

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 04/BQL-KTTĐ ngày 03/01/2023 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa về việc hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Trường cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa (Bao gồm các hạng mục: Xây dựng nhà xưởng thực hành cơ khí ô tô 1 tầng; Nhà thực hành 3 tầng; Nhà đa năng; Hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị) tại số 64 đường Đình Hương, phường Đông Cương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa”.

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 36/TTr-STNMT ngày 15 tháng 01 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa, địa chỉ tại: Tầng 3 trụ sở hợp khối các đơn vị sự nghiệp, đường Lý Nam Đế, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Trường cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa (Bao gồm các hạng mục: Xây mới nhà xưởng thực hành cơ khí ô tô 1 tầng; Nhà thực hành 3 tầng; Nhà đa năng; Hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị) tại số 64 đường Đình Hương, phường Đông Cương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án đầu tư Trường cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa (Bao gồm các hạng mục: Xây mới nhà xưởng thực hành cơ khí ô tô 1 tầng; Nhà thực hành 3 tầng; Nhà đa năng; Hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị) tại số 64 đường Đinh Hương, phường Đông Cương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Đông Cương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Quyết định về việc thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa số 4099/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

1.4. Mã số thuế: 2802446297

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Giáo dục nghề nghiệp

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường nhóm II theo quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích: 9.636 m².

- Công suất: Dự án xây dựng các hạng mục sau: Nhà xưởng thực hành cơ khí ô tô 1 tầng; Nhà thực hành 3 tầng; Nhà đa năng; Hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa và Trường cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công

ng nghiệp Thanh Hóa và Trường cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(từ ngày 30 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 01 năm 2033).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Thanh Hóa và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa;
- Trường Cao đẳng Công nghiệp Thanh Hóa;
- Sở TN&MT, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (để theo dõi);
- UBND thành phố Thanh Hóa (để theo dõi);
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh của giáo viên, sinh viên từ khu vực nhà vệ sinh (bồn cầu, bồn tiểu, rửa tay chân) được xử lý sơ bộ qua 06 bể tự hoại 3 ngăn tại nhà thực hành 1 tầng có lưu lượng 16,3 m³/ngày đêm, sau đó được dẫn bằng đường ống PVC, D300, D400 về Trạm xử lý nước thải tập trung 50 m³/ngày.đêm.

1.2. Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt phát sinh của giáo viên, sinh viên từ khu vực nhà vệ sinh (bồn cầu, bồn tiểu, rửa tay chân) được xử lý sơ bộ qua 04 bể tự hoại 3 ngăn tại nhà thực hành 3 tầng có lưu lượng 10,2 m³/ngày đêm, sau đó được dẫn bằng đường ống PVC, D300, D400 về Trạm xử lý nước thải tập trung 50 m³/ngày.đêm.

1.3. Nguồn số 3: Nước thải sinh hoạt phát sinh của giáo viên, sinh viên từ khu vực nhà vệ sinh (bồn cầu, bồn tiểu, rửa tay chân) được xử lý sơ bộ qua 03 bể tự hoại 3 ngăn tại Nhà đa năng tầng có lưu lượng 1,5 m³/ngày đêm, sau đó được dẫn bằng đường ống PVC, D300, D400 về Trạm xử lý nước thải tập trung 50 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước chung của khu vực, phía Tây dự án trên đường Lê Thành, phường Đông Cương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, sau đó chảy ra Sông Hạc.

2.2. Vị trí xả thải:

- Vị trí: Nước thải sau bể khử trùng của Trạm xử lý nước thải tại chỗ ra mương thoát nước chung của khu vực phía Tây dự án.

- Toạ độ vị trí xả thải tại mương thoát nước chung của khu vực (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105⁰, múi chiếu 30): X = 2194003 (m); Y = 0580366 (m).

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 28 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả thải:

- Nước thải sau khi xử lý tại trạm xử lý (sau bể khử trùng) tự chảy vào mương thoát nước chung của khu vực phía Tây dự án, sau đó chảy ra Sông Hạc.

- Hình thức xả: Xả mặt

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B; K = 1,2). Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120	
4	Amoni (tính theo N)	mg/l	12	
5	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	60	
6	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12	
7	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24	
8	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nguồn số 1, số 2 và số 3 được thu gom bằng hệ thống đường ống PVC, D300, D400 được xử lý sơ bộ qua 13 bể tự hoại, sau đó được dẫn về Trạm xử lý nước thải hợp khối công suất 50 m³/ngày.đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt (gồm nước rửa tây chân, bồn cầu, bồn tiểu của giáo viên, sinh viên được xử lý sơ bộ qua 13 bể tự hoại) → Trạm xử lý nước thải hợp khối, gồm: Ngăn điều hòa → Ngăn thiếu khí → Ngăn hiếu khí → Ngăn lắng sinh học → Ngăn khử trùng) → Đường ống thoát nước thải → Mương tiêu thoát nước chung của khu vực nằm trên đường Lê Thành phía Tây dự án, sau đó chảy ra Sông Hạc.

1.2.2. Công suất thiết kế: 50 m³/ngày đêm.

1.2.3. Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clorine dạng viên nén (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành Trạm xử lý nước thải hợp khối theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí vận hành.

- Thực hiện kiểm tra một số thông số nước thải sau xử lý để giám sát hoạt động của trạm xử lý nước thải hợp khối, kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc Trạm xử lý nước thải hợp khối, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Khoản 2 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 05 tháng (từ 01/7/2023 đến 30/11/2023).

2.3. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt.

2.3.1. Vị trí lấy mẫu: Mẫu nước thải sau bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải trước khi chảy vào mương tiêu thoát nước chung của khu vực phía Tây dự án.

2.3.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.4. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư theo đúng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2 phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom nước thải.

3.3 Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường nội bộ theo quy định của pháp luật.

3.5. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này./.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

1.1. Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sơn sậy tại nhà thực hành, có lưu lượng 900m³/giờ.

1.2. Nguồn số 02: Khí thải của hoạt động máy phát điện dự phòng, có lưu lượng 538,45 m³/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Vị trí xả khí thải số 01 (khí thải sau xử lý của phòng sơn sậy): Tại số 64 đường Đình Hương, phường Đông Cương, tỉnh Thanh Hóa. Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105, múi chiều 3°. Tọa độ: X = 2194802 (m); Y = 0580298 (m);

- Vị trí xả khí thải số 02 (tại ống xả của máy phát điện dự phòng): Tại số 64 đường Đình Hương, phường Đông Cương, tỉnh Thanh Hóa. Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105, múi chiều 3°. Tọa độ: X = 2193022 (m); Y = 0580277 (m).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 1.438,45 m³/giờ, trong đó:

- Dòng khí thải số 1: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 900 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 2: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 538,45 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

+ Nguồn số 01: Xả không liên tục (Chỉ khi thực hành sơn sậy)

+ Nguồn số 02: Xả không liên tục (Chỉ khi vận hành máy phát điện dự phòng)

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi thải vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT với hệ số k_p= 1,0, hệ số k_v=0,6, cột B cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	120	Không thuộc đối	Không thuộc đối
2	Cacbon oxit (CO)	mg/Nm ³	600		

3	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	300	tượng	tượng
4	Nitơ oxit (NO _x tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	510		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải phát sinh để đưa về hệ thống xử lý:

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình thực hành sơn sấy được xử lý bằng hệ thống Cyclon hình trụ (công suất quạt hút 900m³/giờ), sau đó được thu gom bằng phễu thu bụi (bụi được tái sử dụng), khí thải thoát ra ống thoát khí.

- Khí thải của máy phát điện dự phòng khi hoạt động, nhà sản xuất đã tích hợp hệ thống xử lý khí thải động cơ diezen trong hệ thống ống thoát khí thải động cơ kèm theo máy để đảm bảo khí thải được xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Cyclon hình trụ → Phễu thu bụi (tái sử dụng) → Ống thoát khí.

- Khí thải của máy phát điện dự phòng đã tích hợp trong hệ thống ống thoát khí thải của động cơ diezen kèm theo máy → ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 538,45 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không sử dụng hóa chất và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2. phần A Phụ lục này).

1.2.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.3.1. Thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý khí thải, máy phát điện dự phòng, nếu có dấu hiệu hỏng hóc thì tiến hành sửa chữa, thay thế đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

1.3.2. Định kỳ duy tu, bảo dưỡng thiết bị, sử dụng nhiên liệu theo đúng tiêu chuẩn cho máy phát điện dự phòng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải quy định tại Khoản 2 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 05 tháng (từ 01/7/2023 đến 30/11/2023).

2.3. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải.

2.3.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ống thoát khí (Sau hệ thống xử lý bụi, khí thải).

2.3.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.4. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Vận hành hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án, máy phát điện dự phòng theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng khí thải quy định tại mục 2 phần A của Phụ lục này.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.3. Thực hiện vận hành máy phát điện đúng quy trình kỹ thuật của nhà sản xuất; định kỳ bảo trì, bảo dưỡng thay thế thiết bị cho hệ thống xử lý khí thải./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Phát sinh từ máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung số 01 (tại máy phát điện dự phòng): Tại số 64 đường Đình Hương, phường Đông Cương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá. Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105, múi chiều 3°. Tọa độ: X = 2193022 (m); Y = 0580277 (m)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa động cơ, máy bơm và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. /.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh dự kiến (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại chất thải có chứa thủy ngân	16 01 06	24
2	Pin - ắc quy thải	16 01 12	24
3	Các linh kiện điện tử, thiết bị điện (có chứa tụ điện, công tắc chứa thủy ngân...)	16 01 13	8,4
4	Giẻ lau dính dầu, sơn	18 02 01	24
5	Dầu nhớt thải từ quá trình bảo trì, bảo dưỡng	15 01 05	15
6	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	24
7	Cạn nhựa đựng dầu mỡ thừa	18 01 03	28
Tổng khối lượng			147,4

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh dự kiến (kg/năm)
1	Bao bì đựng sản phẩm thải	300
2	Bùn thải từ trạm thống xử lý nước thải hợp khối, bể tự hoại	16.860
Tổng khối lượng		17.160

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải khác:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh dự kiến (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	155,03

2	Chất thải từ hoạt động thí nghiệm: chai lọ vỡ, nhựa, sắt, thép...	0,468
3	Giấy văn phòng	0,125
4	Bìa carton, túi nilon thải	0,09
Tổng khối lượng		155,713

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng chứa CTNH có dung tích 20 lít, có nắp đậy kín và dán nhãn mã số CTNH.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu giữ chất thải nguy hại: 20,8m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại có mái che kín, tường bao xung quanh, nền chống thấm, có rãnh và hố thu gom CTNH dạng lồng phòng cho sự cố thùng chứa, bao bì chứa bị rò rỉ, thùng vỡ. Phía bên ngoài có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng đựng rác dung tích 200 lít để lưu giữ tại kho lưu giữ.

- Các thùng đựng rác có dung tích 60 lít đặt tại hành lang mỗi tầng.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường: 5m²

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Kết cấu mái che kín, tường bao xung quanh tránh nắng và nước mưa, có biển báo đầy đủ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các thùng đựng rác có dung tích 120 lít, có nắp đậy đặt tại hành lang mỗi tầng.

- Các thùng đựng rác có dung tích 240 lít, có nắp đậy đặt tại sân đường nội bộ.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Diện tích 5m².

2.4. Chuyển giao chất thải

- Chỉ được chuyển giao chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện đúng quy trình phòng ngừa ứng phó sự cố đối với bụi, khí thải;

2. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này./.

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN SAU KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Các hạng mục, công trình xây dựng của Dự án tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường:

1.1. Các hạng mục, công trình xây dựng tiếp tục thực hiện:

Triển khai các hạng mục, công trình: Xây dựng nhà xưởng thực hành cơ khí ô tô 1 tầng với diện tích 3.351,1 m²; Nhà thực hành 3 tầng với diện tích 806 m²; Nhà đa năng với diện tích 750m²; Khuôn viên cây xanh, sân đường nội bộ; Hệ thống cấp điện; Hệ thống cấp nước; Hệ thống PCCC; Hệ thống thu gom và thoát nước mưa; Hệ thống thu gom và thoát nước thải; Hệ thống xử lý nước thải hợp khối.

1.2. Các công trình bảo vệ môi trường tiếp tục xây dựng:

1.2.1. Trạm xử lý nước thải hợp khối

- 01 Trạm xử lý nước thải hợp khối của nhà máy công suất 50m³/ngày đêm, sử dụng công nghệ xử lý sinh học. Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K = 1,2), trước khi chảy ra mương thoát nước chung, sau đó chảy ra sông Hạc.

Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại) → Bể xử lý nước thải hợp khối (Nước thải lần lượt đi vào các ngăn xử lý gồm: Ngăn điều hòa → Ngăn thiếu khí → Ngăn hiếu khí → Ngăn lắng sinh học → Ngăn khử trùng) → Đường ống thoát nước thải → Mương tiêu thoát nước chung của khu vực phía Tây của dự án, sau đó chảy ra sông Hạc.

1.2.2. Hệ thống xử lý bụi, khí thải

- 01 hệ thống xử lý bụi, khí thải từ quá trình sơn, sấy tại nhà thực hành. Bụi, khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, Kp = 1, Kv = 0,6), trước khi thải ra môi trường.

+ Công suất thiết kế: 900 m³/giờ.

Quy trình công nghệ:

Bụi, khí thải → Cyclon hình trụ → Phễu thu bụi (tái sử dụng) → Ống thoát khí

1.2.3. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường

- 01 Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, diện tích $20,8\text{m}^2$.

- 01 Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải sinh hoạt, diện tích 5m^2 .

2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường chủ dự án tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường:

2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

2.1.1. Trong giai đoạn thi công:

- Đối với nước thải từ quá trình rửa tay chân được thu gom và xử lý bằng 01 hố lắng tạm ($V = 3,0\text{ m}^3$), sau đó chảy ra mương thoát nước chung của khu vực.

- Nước thải xây dựng phát sinh được thu gom bằng rãnh thu gom và xử lý bằng hố lắng tạm ($V = 5,2\text{ m}^3$). Nước thải sau khi lắng bỏ cặn sẽ được chảy ra mương thoát nước chung của khu vực.

- Đối với nước thải vệ sinh, sử dụng các nhà vệ sinh hiện trạng của trường (nhà vệ sinh khu giảng đường A và B thuộc khu A của trường, 06 bể tự hoại, dung tích $33\text{m}^3/\text{bể}$) sau đó chảy ra mương thoát nước chung của khu vực.

- Thường xuyên quét dọn để đảm bảo vệ sinh tại công trường, hạn chế tối đa các vật liệu rơi vãi.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét và khơi thông cống thải và hố ga đảm bảo không có các loại rác thải, đất đá cản trở dòng chảy.

2.1.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà thực hành 1 tầng được xử lý sơ bộ qua 06 bể tự hoại 3 ngăn, $V = 28\text{m}^3/\text{bể}$, sau đó dẫn về Trạm xử lý nước thải hợp khối công suất $50\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ để xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, $K = 1,2$), trước khi xả ra mương thoát nước chung phía Tây của dự án, sau đó chảy ra sông Hạc.

- Nước thải sinh hoạt từ nhà thực hành 3 tầng xử lý sơ bộ qua 4 bể tự hoại 3 ngăn, $V = 27\text{m}^3/\text{bể}$, sau đó dẫn về Trạm xử lý nước thải hợp khối công suất $50\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ để xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, $K = 1,2$), trước khi xả ra mương thoát nước chung phía Tây của dự án, sau đó chảy ra sông Hạc.

- Nước thải sinh hoạt từ nhà đa năng được xử lý sơ bộ qua 3 bể tự hoại 3 ngăn, $V = 23\text{m}^3/\text{bể}$, sau đó dẫn về Trạm xử lý nước thải hợp khối công suất $50\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ để xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, $K = 1,2$), trước khi xả ra mương thoát nước chung phía Tây của dự án, sau đó chảy ra sông Hạc.

2.2. Về xử lý bụi, khí thải:

2.2.1. Trong giai đoạn thi công:

- Không sử dụng phương tiện giao thông và máy móc quá cũ để vận chuyển nguyên vật liệu thi công công trình;

- Không chuyên chở vượt tải trọng kiểm định;
- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị trên công trường;
- Các phương tiện vận chuyển phải được phủ bạt công nghiệp nhằm tránh rơi rớt và phát tán bụi, bạt được phủ kín thùng xe và buộc chặt.

2.2.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Bụi, khí thải từ phương tiện giao thông ra vào dự án:
 - + Thường xuyên quét dọn, tưới nước, rửa sân đường trong khu vực dự án khi trời nắng nóng và hanh khô;
 - + Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc thiết phục vụ cho hoạt động dự án để tăng hiệu suất sử dụng nhiên liệu và giảm phát thải khí độc.
- Giảm thiểu mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải: Thường xuyên kiểm tra, nạo vét hệ thống xử lý nước thải, nắp đậy hố gas để giảm thiểu mùi hôi; trường hợp cần thiết sẽ bổ sung chế phẩm sinh học vào hệ thống xử lý nước thải để giảm mùi hôi; rác thải sinh hoạt tập kết được vận chuyển đi xử lý hàng ngày, hạn chế khả năng phân hủy rác thải gây mùi hôi và nước rỉ rác.
- Bố trí hệ thống thông gió cưỡng bức tại các khu vực nhà vệ sinh để giảm thiểu mùi.

- Bụi, khí thải từ quá trình sơn sậy:

- + 01 hệ thống xử lý bụi, khí thải từ quá trình sơn sậy. Bụi, khí thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, Kp = 1, Kv = 0,6), trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng:

- + Lựa chọn dầu nguyên liệu có chất lượng tốt.
- + Bảo dưỡng định kỳ các thiết bị tránh gây rò rỉ dầu mỡ và giảm khả năng gây ồn, rung khi thiết bị hoạt động.

2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường

2.3.1. Trong giai đoạn thi công

- Bố trí 02 thùng 30 lít đặt tại khu vực lán trại công nhân để thu gom rác thải;
- Chất thải rắn trong quá trình phát quang thực vật, bóc phong hóa: Khối lượng chất thải phát quang thực vật, đất phong hóa được thu gom, sau đó được vận chuyển đến bãi thải xã Quảng Đại, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá (trữ lượng bãi thải 5.000 m³).
 - Các loại chất thải rắn như bìa cattông, các mẫu sắt thừa,... thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.
 - Chất thải xây dựng như: đất đá thải, gạch ngói vỡ, bê tông, xi măng, vữa trộn thừa... sau đó được vận chuyển đến bãi thải xã Quảng Đại, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá (trữ lượng bãi thải 5.000 m³).

- Đất đào hố móng công trình được tận dụng làm vật liệu nền nền các công trình xây dựng dự án.

- Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường khác thu gom và đem đến khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường tạm thời khoảng 5 m² để lưu giữ. Tại khu vực lưu giữ bố trí 3 thùng nhựa có dung tích 120 lít để lưu giữ và phân loại chất thải, khu vực lưu giữ được bố trí có mái che, quây kín.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến để thu gom và đem đi xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

2.3.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

+ Bố trí khoảng 15 thùng đựng rác loại 240 lít/thùng, có nắp đậy tại sân đường nội bộ; 02 thùng đựng rác loại 120 lít/thùng, có nắp đậy tại hành lang mỗi tầng theo quy định

+ Lưu giữ tại khu vực lưu giữ chất thải rắn diện tích 5m².

+ Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với chất thải rắn thông thường khác:

+ Bố trí 01 thùng đựng rác loại 120 lít/thùng, có nắp đậy tại hành lang mỗi tầng.

+ Lưu giữ tại khu vực lưu giữ chất thải rắn diện tích 5m².

+ Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với bùn cặn phát sinh từ các công trình xử lý môi trường:

+ Đối với bùn cặn phát sinh từ các bể tự hoại, hố ga, hệ thống cống rãnh: tần suất nạo hút 06 tháng/lần.

+ Đối với bùn phát sinh từ trạm xử lý nước thải tập trung: Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại

2.4.1. Trong giai đoạn thi công

- Bố trí 01 thùng chứa chuyên dụng 120 lít có nắp đậy kín đặt tại khu vực lán trại để thu gom.

- Lưu giữ tại khu vực CTNH tạm thời diện tích 3m², được quây kín, có mái che, nền cao tránh nước mưa chảy tràn ra khu vực.

- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến để thu gom và đem đi xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

2.4.2. Trong giai đoạn vận hành

- Bố trí 06 thùng $V = 20$ lít trong khu vực lưu chứa CTNH có diện tích $20,8 \text{ m}^2$ để lưu trữ, sau đó ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kì chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và các tác động khác

2.5.1. Trong giai đoạn thi công

- Lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn, độ rung cho các máy móc có tiếng ồn, độ rung cao như: máy hàn, cắt,... Không sử dụng các máy móc thi công đã cũ, hệ thống giảm âm bị hỏng vì gây ra ô nhiễm tiếng ồn lớn. Thường xuyên bảo dưỡng bộ phận giảm âm ở các thiết bị máy móc thi công;

- Quy định tốc độ của xe và máy móc khi hoạt động trong khu vực thực hiện dự án;

- Các phương tiện vận chuyển hạn chế dùng còi trong khu đông người;

- Các xe vận chuyển nguyên liệu cho dự án không vận chuyển quá tải tránh ảnh hưởng đến tuyến đường;

- Phối hợp với địa phương về việc khai báo tạm trú, tạm vắng của cán bộ, công nhân viên tham gia thi công dự án.

2.5.2. Trong giai đoạn vận hành

- Thường xuyên kiểm tra các thiết bị máy móc vận hành dự án nếu phát hiện hư hỏng cần có biện pháp thay thế để đảm bảo quá trình vận hành tốt.

- Bố trí thời gian học tập và vui chơi cho học sinh tại trường theo đúng quy định của ngành giáo dục.

- Trồng cây xanh theo đúng quy hoạch đã được cơ quan nhà nước phê duyệt, diện tích cây xanh.

- Bảo vệ nhà trường có trách nhiệm hướng dẫn sinh viên để xe đúng nơi quy định, phân luồng giao thông trước khu vực cổng trường để không ảnh hưởng đến hoạt động giao thông trên tuyến đường bê tông phía Tây dự án,

2.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

2.6.1. Trong giai đoạn thi công

- Sự cố về máy móc thiết bị: Định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị tham gia thi công dự án.

- Sự cố ngập úng khu vực xung quanh: Thi công đúng tiến độ, đúng thiết kế xây dựng. Tránh làm rơi vãi các loại chất thải xuống hệ thống thoát nước làm tắc đường ống thoát nước của khu vực thực hiện dự án và khu vực xung quanh dự án.

- Sự cố tai nạn lao động: Trang bị đồ bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân và lập quy tắc an toàn lao động

2.6.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Đối với Trạm xử lý nước thải hợp khối:

+ Vận hành Trạm xử lý nước thải hợp khối theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí vận hành;

+ Các máy móc, thiết bị phải được kiểm tra theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật, đặc biệt là các thiết bị điện;

+ Tiến hành bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa khi có hỏng hóc.

+ Trường hợp Trạm xử lý nước thải hợp khối bị hư hỏng, nước thải được hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút đưa đi xử lý theo quy định.

- Đối với hệ thống xử lý khí thải:

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý khí thải, máy phát điện dự phòng, nếu có dấu hiệu hỏng hóc thì tiến hành sửa chữa, thay thế đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định;

+ Định kỳ duy tu, bảo dưỡng thiết bị, sử dụng nhiên liệu theo đúng tiêu chuẩn cho máy phát điện dự phòng.

- Đối với khu vực lưu giữ chất thải: Trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại

2.7. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án

2.7.1. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

- Dự án có 2 công trình xử lý chất thải vận hành thử nghiệm: 01 Trạm xử lý nước thải hợp khối và 01 hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Thời gian vận hành thử nghiệm: 05 tháng

a. Giám sát nước thải:

- Vị trí giám sát: Sau bể khử trùng Trạm xử lý nước thải hợp khối trước khi chảy ra mương thoát nước chung của khu vực.

- Thông số giám sát: Lưu lượng; pH; BOD₅ (20°C); Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Amoni (tính theo N); Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N); Dầu mỡ động, thực vật; Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P); Tổng Coliforms

- Tần suất: Theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Số lượng mẫu: Theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K = 1,2).

b. Giám sát khí thải:

- Vị trí giám sát: Tại ống thoát khí (nhà thực hành phòng sơn sậy).

- Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi tổng, CO, SO₂, NO_x (tính theo NO₂)

- Tần suất: Theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Số lượng mẫu: Theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (K_v=0,6; K_p=1).

2.7.2. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

- Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:

Kiểm tra, giám sát việc phân loại, thu gom, lưu giữ và chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng để xử lý. Các điểm giám sát bao gồm: Kho lưu giữ chất thải rắn thông thường và kho lưu giữ chất thải nguy hại.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Thực hiện công trình bảo vệ môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Quyền, nghĩa vụ của chủ dự án đầu tư, cơ sở được cấp giấy phép môi trường thao quy định tại Điều 47 của Luật BVMT năm 2020.

3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Kiểm soát hoạt động của Trạm xử lý nước thải hợp khối đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

5. Kiểm soát các thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải

sinh hoạt (cột B; K = 1,2). Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

6. Kiểm soát các thông số ô nhiễm trong khí thải bảo đảm chất lượng sau xử lý đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ với hệ số $k_p=1$, hệ số $k_v=0,6$, cột B.

7. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường

8. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

9. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai toàn bộ Dự án. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo xin giấy phép môi trường.

10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.